

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2193/QĐ-UBND**

Quảng Ngãi, ngày **30** tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 15/4/2014
của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt kế hoạch thu, chi dịch vụ
môi trường rừng năm 2013 và năm 2014**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

CV ĐẾN	Số:..... 2193
	Ngày: 30/12/2014
	Chuyên:.....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25/5/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng theo Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16/11/2012 của Liên bộ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 04/07/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 15/4/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch thu, chi dịch vụ môi trường rừng năm 2013 và năm 2014;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 2672/SNN&PTNT ngày 13/11/2014 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 3056/STC-TCHCSN ngày 23/12/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 15/4/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể như sau:

– “Phê duyệt Kế hoạch thu, chi năm 2013 và năm 2014 của Quỹ Bảo vệ

và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi, một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2013 (đồng)	Kế hoạch năm 2014 (đồng)
I	PHẦN THU	2.188.302.880	4.570.394.712
1	Thu trong năm	2.188.302.880	4.570.394.712
2	Chuyển nguồn năm trước sang năm sau	0	2.165.994.712
II	PHẦN CHI	2.188.302.880	4.570.394.712
1	Chi hoạt động Bộ máy điều hành	22.308.168	434.162.120
a	Hoạt động thường xuyên	22.308.168	384.727.120
b	Hoạt động không thường xuyên	0	49.435.000
2	Dự phòng 5%	0	229.635.144
3	Trích lập các quỹ	0	2.800.000
4	Kinh phí chưa thực hiện chuyển sang năm sau thực hiện	2.165.994.712	3.903.797.448

(Chi tiết theo Phụ lục 01 và 02 đính kèm)”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những nội dung khác tại Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 15/4/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh không điều chỉnh tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

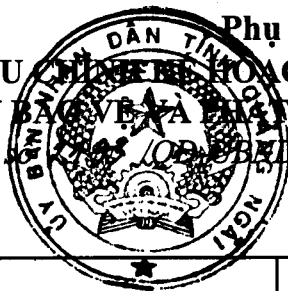
- Như Điều 3;
- CT, PCT(NL) UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NL), CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNak1154.



CHỦ TỊCH

Lê Viết Chữ

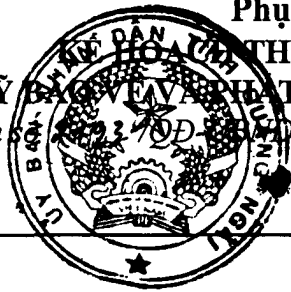
Phụ lục 1
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH THU-CHI NĂM 2013
CỦA QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG QUẢNG NGÃI
(Kèm theo Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh



ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch phê duyệt tại QĐ 542/QĐ-UBND ngày 15/4/2014	Kế hoạch điều chỉnh	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4) - (3)
A	PHÂN THU	2.186.276.000	2.188.302.880	2.026.880
I	Thu năm 2013	2.186.276.000	2.188.302.880	2.026.880
1	Số phải thu	2.186.276.000	2.188.302.880	2.026.880
	- Cty TNHH MTV Thiên Tân - thủy điện Hà Nang	841.376.000	841.376.000	0
	- Cty CP HP - thủy điện Sông Riêng	248.845.000	248.845.000	0
	- Cty Thủy điện Nước Trong	942.044.000	942.044.000	0
	- Cty TNHH XD Thủy điện Cà Đú	154.011.000	154.011.000	0
	- Nhà máy Nước khoáng Thạch Bích		2.026.880	2.026.880
2	Số đã thu	1.755.389.440	1.757.416.320	2.026.880
3	Số còn phải thu	430.886.560	430.886.560	0
B	PHÂN CHI	2.186.276.000	2.188.302.880	2.026.880
I	Số chi thực tế năm 2013	25.200.000	22.308.168	-2.891.832
1	Chi hoạt động Bộ máy điều hành	25.200.000	22.308.168	-2.891.832
1.1	Hoạt động thường xuyên	25.200.000	22.308.168	-2.891.832
1.2	Hoạt động không thường xuyên			0
2	Chi trả DVMTR năm 2013			0
II	Kinh phí chưa thực hiện chuyển sang năm sau	2.161.076.000	2.165.994.712	4.918.712

Phụ lục 2
CỦA QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG QUẢNG NGÃI
 (Kèm theo Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh)



ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch phê duyệt tại QĐ 542/QĐ-UBND ngày 15/4/2014	Kế hoạch điều chỉnh	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4) - (3)
A	PHẦN THU	6.185.476.000	4.570.394.712	-1.615.081.288
1	Thu năm 2014	4.024.400.000	2.404.400.000	-1.620.000.000
	- Cty TNHH MTV Thiên Tân - thủy điện Hà Nang	980.000.000	950.000.000	-30.000.000
	- Cty CP HP - thủy điện Sông Riêng	202.000.000	202.000.000	0
	- Cty Thủy điện Nước Trong	1.000.000.000	700.000.000	-300.000.000
	- Cty TNHH XD Thủy điện Cà Đú	160.000.000	150.000.000	-10.000.000
	- Nhà máy Thủy điện Đakdrinh	1.200.000.000		-1.200.000.000
	- Cty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi	240.000.000	240.000.000	0
	- Công ty Cổ phần Vinaconex	160.000.000	160.000.000	0
	- Công ty CP Đường Quảng Ngãi	80.000.000		-80.000.000
	- Nhà máy nước khoáng Thạch Bích	2.400.000	2.400.000	0
2	Chuyển nguồn năm 2013	2.161.076.000	2.165.994.712	4.918.712
2.1	Chi quản lý của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng	193.427.600	196.522.120	3.094.520
2.2	Nguồn thu ủy thác chi trả DVMTR năm 2013	1.858.334.600	1.860.057.448	1.722.848
2.3	Nguồn dự phòng năm 2013	109.313.800	109.415.144	101.344
B	PHẦN CHI	6.185.476.000	4.570.394.712	-1.615.081.288
1	Chi hoạt động Bộ máy điều hành	582.500.000	434.162.120	-148.337.880
1.1	Hoạt động thường xuyên (bao gồm tiền lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp, thưởng; chi về hàng hóa, dịch vụ; chi thu nhập tăng thêm; chi phụ cấp cho Hội đồng quản lý và BKS; chi thông tin tuyên truyền, quảng bá, đài báo; chi thanh tra, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, đánh giá rừng; chi kiểm toán; chi bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ; thực hiện cải cách tiền lương; chi khác)	486.500.000	384.727.120	-101.772.880
1.2	Hoạt động không thường xuyên	96.000.000	49.435.000	-46.565.000

	Chi mua tài sản	96.000.000	49.435.000	-46.565.000
2	Dự phòng 5%	310.533.800	229.635.144	-80.898.656
2.1	Dự phòng 5% năm 2014	201.220.000	120.220.000	-81.000.000
2.2	Dự phòng 5% năm 2013 chuyển sang 2014	109.313.800	109.415.144	101.344
3	Tích lập các quỹ	13.367.600	2.800.000	-10.567.600
3.1	Quỹ hoạt động phát triển sự nghiệp	7.000.000	1.200.000	-5.800.000
3.2	Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi	3.000.000	800.000	-2.200.000
3.3	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	3.367.600	800.000	-2.567.600
4	Chi trả DVMTR năm 2014 chuyển sang năm sau (85% nguồn chuyển nguồn số thu ủy thác DVMTR)	5.279.074.600	3.903.797.448	-1.375.277.152
4.1	Nguồn thu năm 2014 chi trả DVMTR	3.420.740.000	2.043.740.000	-1.377.000.000
4.2	Nguồn thu năm 2013 chuyển sang thực hiện chi trả DVMTR	1.858.334.600	1.860.057.448	1.722.848